

Phụ lục VII
CHI TIẾT PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022 CHO CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HDND ngày tháng 8 năm 2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung, thành phần của Chương trình	Tổng cộng	Đơn vị thực hiện														
			Thành phố BMT	Thị xã Buôn Hồ	Huyện Ea H'leo	Huyện Ea Súp	Huyện Buôn Đôn	Huyện Cư M'gar	Huyện Krông Búk	Huyện Krông Năng	Huyện Ea Kar	Huyện M'Đrăk	Huyện Krông Bông	Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Ana	Huyện Lắk	Huyện Cư Kuin
	Tổng cộng	30.090	823	1.113	1.336	2.066	2.928	4.207	1.740	1.730	2.457	959	2.600	1.761	1.660	1.350	3.360
A	Từ nguồn ngân sách Trung ương bổ sung	27.490	823	1.113	1.336	2.066	1.928	4.207	1.740	1.730	2.457	959	1.600	1.761	1.660	1.350	2.760
I	Mục Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch	2.300	-	-	-	-	-	2.100	-	-	-	-	-	-	200	-	-
II	Mục Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn	6.350	217	390	506	1.140	53	177	360	290	1.130	60	126	281	140	-	1.480
1	Tiểu mục Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp	3.700			300	1.000					1.000						1.400
2	Tiểu mục Triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	2.650	217	390	206	140	53	177	360	290	130	60	126	281	140	-	80
III	Mục Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe của người dân nông thôn	2.135	26	173	-	106	200	150	200	200	87	179	214	200	200	200	-
1	Tiểu mục Phát triển giáo dục ở nông thôn	2.135	26	173	-	106	200	150	200	200	87	179	214	200	200	200	-
IV	Mục Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực, truyền thông xây dựng nông thôn mới; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	3.105	180	150	230	220	175	280	180	240	240	220	260	280	120	150	180
V	Mục Duy tu, bảo dưỡng, vận hành các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã	13.600	400	400	600	600	1.500	1.500	1.000	1.000	1.000	500	1.000	1.000	1.000	1.000	1.100
B	Từ nguồn ngân sách tỉnh đối ứng	2.600	-	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-	1.000	-	-	-	600
I	Mục Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn	2.600	-	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-	1.000	-	-	-	600
1	Tiểu mục Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp	2.600					1.000						1.000				600